

## KẾT QUẢ CHỌN TẠO GIỐNG LẠC L27

Nguyễn Văn Thắng<sup>1</sup>, Nguyễn Xuân Thu<sup>1</sup>,  
Nguyễn Thị Thúy Lương<sup>1</sup>, Phạm Xuân Liêm<sup>2</sup>,  
Trần Đình Long<sup>3</sup>

### ABSTRACT

#### Breeding for new groundnut variety L27

The groundnut is an important field crop in dry land areas in Vietnam. During the last ten years (2005 - 2014), the national pod yield of groundnut has been increased significantly from 1.8 to 2.14 tons ha<sup>-1</sup>. Expanding production area under advanced technologies, of which, applying new high - yielding variety, was considered the main reason. The objective of this paper is to describe the process of breeding for new groundnut variety that is better in pod yield, more tolerant to main leaf diseases and leaf feeders to replace the popular variety L14.

The new variety named L27 has been developed by Legume Research and Development Center - Field Crops Research Institute. The variety derived from cross between L18, a highest yielding variety and moderately resistant to main leaf diseases, leaf feeders and drought tolerant and L16, a variety with thin shell, big seed size. L27 belongs to Spanish type, dark and thick leaf, medium to big pod and seed size; shelling percentage 70 - 73%; 53.1% in oil content; tan in seed coat color, moderately resistant to main leaf diseases, leaf feeders and drought tolerant.

In the national multi location yield test, it was 24.0% and 18.5% dry pod yield higher than check variety L14 in Spring and Autumn - Winter season respectively. The pod yield harvested of L27 in demonstration fields in Ha Tinh and Vinh Phuc provinces in Spring season of 2013 - 2014 was higher (24.7 - 29.0%) as compared to the check varieties (L14).

L27 has been recognized for the National Large - scale Production Test and property licenced by Ministry of Agriculture and Rural Development under decision No. 46/QĐ-TT-CCN dated 26/2/2014 for the northern provinces and decision No. 629/QĐ-TT-VPBH dated 31/12/2013 respectively.

**Key words:** Groundnut, L27, high yielding, oil content, drought, leaf diseases.

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cây lạc (*Arachis hypogaea* L.) là cây công nghiệp ngắn ngày có hiệu quả kinh tế cao và đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu cây trồng ở Việt Nam.

Mười năm gần đây năng suất lạc bình quân của cả nước tăng lên đáng kể, từ 18,1 tạ/ha năm 2005 lên 23 tạ/ha năm 2014 (Tổng cục thống kê). Với việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới, trong đó

giống mới năng suất cao là yếu tố quan trọng làm tăng năng suất lạc. Trong số các giống mới có năng suất cao phải kể đến giống L14. Giống L14 có khả năng thích ứng tương đối rộng và cho năng suất cao trong cả điều kiện thâm canh và nhờ nước trời. Hiện giống lạc này đang chiếm một diện tích khá lớn (70 - 80%) trong sản xuất tại các tỉnh trồng lạc chính miền Bắc

---

1. Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm  
2. Hiệp hội thương mại Giống cây trồng Việt Nam  
3. Hội Giống cây trồng Việt Nam

và miền Trung nước ta. Tuy nhiên, L14 vẫn còn một số hạn chế như vỏ quả còn hơi dày, dễ bị nhiễm một số bệnh hại lá và héo xanh vi khuẩn trên các chân đất chuyên màu. Từ thực tế trên, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Đậu đỗ đã tập trung vào chương trình chọn giống với mục tiêu năng suất cao và khắc phục những nhược điểm của L14. Bài viết này giới thiệu kết quả chọn tạo giống lạc L27 theo mục tiêu của chương trình.

## **II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

### **1. Vật liệu nghiên cứu**

Giống lạc L27 được chọn từ tổ hợp lai L18 × L16. Giống L18 sử dụng làm mẹ có năng suất cao, vỏ quả dày, kháng với các bệnh hại lá chính, bệnh héo xanh vi khuẩn, sâu ăn lá và chịu hạn tương đối khá. Giống L16 làm bố có vỏ quả mỏng, quả và hạt tương đối to. Hai giống này do Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Đậu đỗ thuộc Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm chọn tạo.

### **2. Phương pháp nghiên cứu**

- Chọn lọc dòng từ cặp lai L18 × L16 theo phương pháp phá hệ. Thí nghiệm đánh

giá dòng bố trí theo phương pháp tuần tự không nhắc lại, so sánh năng suất dòng theo khối ngẫu nhiên hoàn chỉnh (RCBD). Giống đối chứng là L14.

- Khảo nghiệm vùng sinh thái và thử nghiệm sản xuất theo Quy phạm khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng của giống lạc (10 TCN 340 - 2006) và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khảo nghiệm giá trị canh tác và giá trị sử dụng giống lạc (QCVN01-57:2011).

- Đánh giá bệnh hại lá trong điều kiện tự nhiên theo phương pháp đánh giá bệnh của Viện Nghiên cứu cây trồng quốc tế cho vùng nhiệt đới bán khô hạn (ICRISAT).

- Kết quả thí nghiệm được xử lý thống kê theo chương trình IRRISTAT.

## **III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN**

### **1. Quá trình chọn tạo giống lạc L27**

Giống L27 được chọn từ tổ hợp lai giữa giống lạc L18 và L16 theo sơ đồ chọn giống dưới đây. Dòng triển vọng 0401.57.3 đăng ký khảo nghiệm quốc gia với tên L19, trong bài viết này giống được chính thức đổi tên là L27.

Xuân 2003	<b>L18 × L16</b>	
	↓	
Vụ Thu Đông 2003	F1	Nhân hạt lai (Trồng theo ô hỗn hợp).
	↓	
Vụ Xuân 2004	F2	Chọn dòng F2 theo phương pháp phá hệ (phân lập được 90 cá thể có nhiều đặc điểm tốt như: nhiều quả, vỏ quả mỏng, có thời gian sinh trưởng 115 - 125 ngày...).
	↓	
Vụ Thu Đông 2004	F3	Đánh giá và chọn lọc dòng (loại bỏ cây khác dạng và 20 dòng hoặc là bị nhiễm bệnh hoặc năng suất thấp).
	↓	
Vụ Xuân 2005	F4	Đánh giá và tiếp tục chọn lọc dòng về các đặc tính mong muốn (tiếp tục loại bỏ cây khác dạng và 15 dòng hoặc là bị nhiễm bệnh hoặc là dị hợp tử hoặc năng suất thấp).

**TẠP CHÍ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

	↓	
Vụ Thu Đông 2005	F5	Đánh giá và tiếp tục chọn lọc dòng về các đặc tính mong muốn (loại bỏ cây khác dạng và 10 dòng hoặc là bị nhiễm bệnh, hoặc là năng suất thấp).
	↓	
Vụ Xuân 2006	F6	Đánh giá và tiếp tục chọn lọc dòng về các đặc tính mong muốn (loại bỏ 9 dòng hoặc là bị nhiễm bệnh, hoặc năng suất thấp). Còn lại 34 dòng thuần, trong đó 4 dòng (0401.57.1; 0401.57.3; 0401.57.4; 0401.65.1) có ưu điểm nổi bật về đặc tính quả hạt và năng suất cao.
	↓	
Vụ Thu Đông 2006 - xuân 2008	F7 - F10	So sánh sơ bộ về năng suất 04 dòng thuần (0401.57.1; <b>0401.57.3</b> ; 0401.57.4; 0401.65.1) trong đó dòng 0401.57.3 đặt tên là L19.
	↓	
Vụ Xuân 2009 - 2012	F11....	So sánh chính quy và khảo nghiệm Quốc gia với tên gọi L19.
	↓	
Năm 2010 - 2013		Sản xuất thử nghiệm tại các địa phương.
Năm 2014		Công nhận và sản xuất thử.

**2. Đặc điểm nông sinh học chính của giống lạc L27**

Một số đặc điểm nông sinh học chính của giống L27 được giới thiệu trong bảng 1.

Số liệu trong bảng là số liệu trung bình các năm 2009 - 2011 theo dõi tại Thanh Trì, Hà Nội.

Bảng 1. Một số đặc điểm nông sinh học của giống lạc L27

Đặc điểm	L18 (mẹ)	L27 (L19)	L16 (bố)
Dạng cây	Đứng	Đứng	Nửa đứng
Màu lá	Xanh đậm	Xanh đậm	Xanh nhạt
Chiều cao cây (cm)	39,9	34,8	45,3
Số cành cấp I (cành)	4	4	4
TGST ở vụ Xuân (ngày)	131	125	125
TGST ở vụ Thu Đông (ngày)	95	95	95
- Bệnh gỉ sắt (1 - 9)	3	3	5
- Bệnh đốm nâu (1 - 9)	3	3	4
- Bệnh đốm đen (1 - 9)	3	3	3
- Bệnh héo xanh (%)	1,3	1,2	1,2
Gân trên quả	Rõ	Trung bình - rõ	Không có
Mô quả	Trung bình	Trung bình	Trung bình
Màu vỏ lụa	Hồng	Hồng sáng	Hồng sáng
Khối lượng 100 quả (g)	165 - 168	150 - 155	155 - 160
Khối lượng 100 hạt (g)	60 - 65	50 - 55	60 - 65
Tỷ lệ hạt/quả (%)	68 - 70	70 - 73	73 - 74

**3. Các yếu tố cấu thành năng suất của giống lạc L27**

Kết quả nghiên cứu trong các năm 2009 - 2011 tại Thanh Trì, Hà Nội và Yên Mô, Ninh Bình cho thấy trong vụ Xuân giống lạc L27 có số quả chắc/cây là 15,5 quả, nhiều hơn so với đối chứng L14 (11,7 quả); Ở vụ Thu Đông đạt 13,2 quả/cây trong khi

đối chứng chỉ đạt 8,8 quả/cây.

Khối lượng 100 quả, khối lượng 100 hạt ở các vụ gieo trồng tương đương với giống đối chứng L14 ; tuy nhiên giống lạc L27 có tỷ lệ nhân 70,0 - 73,0% cao hơn đối chứng L14 (68,2 - 71,0%); điều này cho thấy giống L27 có vỏ quả mỏng hơn so với L14 (bảng 2).

Bảng 2. Các yếu tố cấu thành năng suất của giống lạc L27

Tên giống	Vụ Xuân <sup>1</sup>				Vụ Thu - Đông <sup>2</sup>			
	Số quả chắc/cây (quả)	KL.100 quả (g)	KL.100 hạt (g)	Tỷ lệ nhân (%)	Số quả chắc/cây (quả)	KL.100 quả (g)	KL.100 hạt (g)	Tỷ lệ nhân (%)
L27	15,5	154,3	55,5	73,0	13,2	150,0	52,3	70,0
L17	12,5	166,0	59,7	72,2	11,8	154,0	55,7	70,5
L18	12,3	169,7	61,6	69,1	9,5	169,5	60,5	67,5
L26	10,8	185,3	63,5	73,5	8,7	175,0	62,7	72,5
L14 (đ/c)	11,7	151,7	54,2	71,0	8,8	147,0	50,4	68,2

Ghi chú: 1. Số liệu trung bình vụ Xuân các năm từ 2009 - 2011 tại Thanh Trì, Hà Nội.  
2. Số liệu trung bình vụ Thu Đông các năm 2009 - 2010 tại Yên Mô, Ninh Bình

Năng suất của giống lạc L27 qua các vụ, các năm được thể hiện trong bảng 3. Trong vụ Xuân năng suất của giống L27 dao động từ 39,8 - 45,7 tạ/ha trung bình

vượt 24,0% so với giống đối chứng L14.

Trong vụ Thu Đông năng suất của giống L27 dao động từ 30,6 - 32,2 tạ/ha trung bình vượt 11,8% so với giống đối chứng L14.

Bảng 3. Năng suất của giống lạc L27 (tạ/ha)

Tên giống	Vụ Xuân <sup>1</sup>					Vụ Thu - Đông <sup>2</sup>			
	2009	2010	2011	TB	Năng suất vượt so với đ/c (%)	2009	2010	TB	Năng suất vượt so với đ/c (%)
L27	41,7	45,7	39,8	42,4	24,0	32,2	30,6	31,4	11,8
L17	32,3	38,4	36,1	35,6	3,8	32,8	31,0	31,9	12,0
L18	39,6	37,2	33,3	36,7	4,5	28,0	25,4	26,7	1,0
L26	41,5	39,8	45,3	42,2	23,6	29,8	27,4	28,6	1,1
L14 (đ/c)	31,3	36,5	35,0	34,3		25,5	27,5	26,5	
CV(%)	7,3	6,7	7,0	-	-	7,7	8,0	-	
LSD <sub>.05</sub>	4,9	4,8	4,8	-	-	4,1	4,1	-	

Ghi chú: 1. Số liệu trung bình vụ Xuân các năm từ 2009 - 2011 tại Thanh Trì, Hà Nội.  
2. Số liệu trung bình vụ Thu Đông các năm 2009 - 2010 tại Yên Mô, Ninh Bình.

**4. Hàm lượng dầu và protein của giống lạc L27**

Kết quả phân tích hàm lượng dầu và protein cho thấy giống lạc L27 có hàm lượng dầu 53,09% đạt rất cao và cao nhất trong nhóm giống được phân tích, cao hơn L14 tới 3,5%; hàm lượng protein ở mức khá, tương đương với đối chứng L14 (bảng 4).

Bảng 4. Hàm lượng dầu và protein thô của giống lạc L27

TT	Giống	Dầu (% chất khô)	Protein (% chất khô)
1	L27	53,09	27,58
2	L26	51,85	27,75
3	L17	49,53	28,33
4	L14	49,57	27,72
5	L22	50,24	29,33
6	BW62	49,85	25,80

Nguồn: Viện Cơ điện nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch, 2012.

Bảng 5. Năng suất trung bình (NS) (tạ/ha) tại 8 điểm khảo nghiệm và bệnh héo xanh vi khuẩn (HXVK) (%) của giống lạc L27 và L14 từ năm 2009 - 2012

Tên giống	2009		2010		2011		2012	
	NS	HXVK	NS	HXVK	NS	HXVK	NS	HXVK
L27	35,9	1,0	31,7	2,2	37,9	2,1	39,5	2,1
L14 (đc)	34,2	1,5	30,8	1,3	34,2	1,8	35,6	1,0

**6. Kết quả khảo nghiệm sản xuất**

Để đánh giá khả năng thích ứng và năng suất của giống lạc L27 trong sản xuất đại trà, từ vụ Thu Đông năm 2010 đến vụ Xuân 2013 giống lạc L27 đã được khảo nghiệm sản xuất tại Ninh Bình và Nghệ An. Kết quả cho thấy:

- Tại Ninh Bình: Vụ Xuân 2011 và 2013 trên diện tích 3 ha/vụ tại huyện Yên Mô giống lạc L27 cho năng suất trung bình

**5. Kết quả khảo nghiệm Quốc gia**

Giống lạc L27 được Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Quốc gia (KKNQGG) tiến hành khảo nghiệm trong vụ Xuân 4 năm liên tục (2009 - 2012) tại 7 vùng sinh thái ở các tỉnh phía Bắc với tên đăng ký là L19. Kết quả khảo nghiệm của cơ quan khảo nghiệm cho thấy năng suất trung bình của giống L27 biến động từ 31,7 tạ/ha đến 39,5 tạ/ha, cao nhất đạt 45,4 tạ/ha và thấp nhất 30,0 tạ/ha, cao hơn đối chứng L14 ở 3/7, 4/7 và 5/7 điểm qua các năm 2010, 2011, 2012. Tại các điểm khảo nghiệm, giống L27 luôn thể hiện được đặc tính nhiễm nhẹ hơn giống L14 đối với bệnh héo xanh vi khuẩn một bệnh rất nguy hiểm gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến năng suất lạc. (bảng 5 trích báo cáo số 262/BC-KKNQG-KNKĐ ngày 28/7/2009; số 254/BC-KKNQG-KNKĐ ngày 26/7/2010; số 283a/BC-KKNQG-KN ngày 22/8/2011 và số 92/BC-KKNQG-KN ngày 27/8/2012 của Trung tâm KKNQGG).

dao động từ 43,5 - 45,5 tạ/ha vượt từ 20,9 - 24,6% so với đối chứng L14. Trong vụ Thu Đông 2010, 2011 và 2012 trên diện tích từ 3 - 5 ha giống lạc L27 cho năng suất trung bình dao động từ 32,5 - 35,8 tạ/ha, vượt từ 16,9 - 22,6% so với đối chứng L14.

- Tại Nghệ An: Vụ Xuân 2011 và 2013 trên diện tích từ 2 - 5 ha/vụ tại huyện Diễn Châu, giống lạc L27 cho năng suất trung bình dao động từ 40,2 - 40,5 tạ/ha, vượt các đối chứng L14 và Sen Thất từ 16,1 - 20,3%.

Trong vụ Thu Đông 2011 và 2012 trên diện tích 3 ha giống lạc L27 cho năng suất trung bình dao động từ 33,1 - 33,5 tạ/ha vượt từ 14,1 - 16,9% so với các đối chứng.

Với các kết quả tốt trong nghiên cứu, khảo nghiệm cơ bản và khảo nghiệm sản xuất tại các địa phương, giống lạc L27 đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận cho sản xuất thử tại Quyết định số 46/QĐ - TT - CCN ngày 26/2/2014 cho các tỉnh phía Bắc. Giống L27 được cấp bằng bảo hộ số 629/QĐ - TT - VPBH ngày 31/12/2013 cho nhóm tác giả thuộc Trung tâm Nghiên cứu

phát triển đậu đỗ, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm.

**7. Kết quả sản xuất thử**

- Tại Hà Tĩnh: Vụ Xuân năm 2014, giống lạc L27 được sản xuất thử với quy mô 20 ha (10 ha trên chân đất cát pha ven biển thuộc xã Thạch Lạc, huyện Thạch Hà, và 10 ha trên chân đất bãi ven sông thuộc xã Đức La, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh). Năng suất của giống lạc L27 tại Thạch Hà đạt 52,0 tạ/ha hơn đối chứng 25,0% và tại Đức Thọ đạt 45,0 tạ/ha hơn đối chứng 24,7% (bảng 6).

Bảng 6. Năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất của giống L27 tại Hà Tĩnh

Tên giống	Thạch Lạc				Đức La			
	Số quả chắc/cây	KL 100 quả (g)	Năng suất (tạ/ha)	NS tăng so với đ/c (%)	Số quả chắc/cây	KL 100 quả (g)	Năng suất (tạ/ha)	NS tăng so với đ/c (%)
L27	14,8	156,7	52,0	25,0	12,8	158,2	45,0	24,7
L14 (đ/c)	12,2	150,4	41,6		9,8	149,4	33,9	

- Tại Vĩnh Phúc: Tại Yên Lạc trên diện tích 5 ha trong vụ Xuân 2014, năng suất của giống lạc L27 đạt 46,2 tạ/ha tăng 29,0% so với đối chứng L14 (bảng 7).

Bảng 7. Năng suất và các yếu tố cấu thành năng suất của giống L27 tại Vĩnh Phúc

Tên giống	Số quả chắc/cây	KL100 quả (g)	KL100 hạt (g)	Tỷ lệ nhân (%)	Năng suất (tạ/ha)	Năng suất tăng so với đối chứng (%)
L27	12,5	160,3	63,2	71,8	46,2	29,0
L14 (đ/c)	10,2	153,4	55,6	71,0	35,8	

**IV. KẾT LUẬN**

- Giống lạc L27 cho năng suất cao (từ 39,7 - 45,4 tạ/ha ở vụ Xuân và từ 30,6 - 32,2 tạ/ha ở vụ Thu Đông), có tỷ lệ nhân cao (từ 70 đến 73%), vỏ quả mỏng, vỏ hạt màu hồng cánh sen, hàm lượng dầu cao (53,09%), nhiễm nhẹ bệnh héo xanh vi khuẩn và các loại bệnh hại lá (gi sứt, đốm đen, đốm nâu). Kết quả chọn giống này cho thấy giống L27 có nhiều ưu điểm vượt trội so với giống đối chứng L14, đạt được mục tiêu chọn giống, đáp ứng được yêu cầu sản xuất và thị hiếu người tiêu dùng.

- Kết quả sản xuất thử giống L27 trên diện rộng (từ 5 - 10 ha/mô hình) tại Hà Tĩnh và Vĩnh Phúc cho thấy giống lạc L27 có triển vọng công nhận chính thức để phát triển rộng ra sản xuất.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Báo cáo Khoa học của Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển đậu đỗ (từ năm 2004 - 2012, không xuất bản).
2. Báo cáo kết quả khảo nghiệm giống lạc của Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Quốc gia (Báo cáo số 262/BC-KKNQG-KNKĐ ngày 28/7/2009; Báo cáo số 254/BC-KKNQG-KNKĐ ngày

- 26/7/2010, Báo cáo số 283a/BC-KKNQG-KNKĐ ngày 22/8/2011, Báo cáo số 92/BC-KKNQG-KN ngày 27/8/2012).
3. Trần Đình Long (1997). *Chọn giống cây trồng*, giáo trình cao học nông nghiệp. NXB Nông nghiệp.
4. Phạm Chí Thành (1988). *Phương pháp thí nghiệm đồng ruộng*. NXB Nông nghiệp.
5. Số liệu thống kê - Tổng cục Thống kê (2004 - 2014).
- Ngày nhận bài: 14/5/2015  
Người phản biện: TS. Nguyễn Thị Chinh  
Ngày phản biện: 18/5/2015  
Ngày duyệt đăng: 25/6/2015

## **KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CHỌN TẠO VÀ KHẢO NGHIỆM GIỐNG CÀ CHUA LAI VT5**

Đoàn Xuân Cảnh<sup>1</sup>, Nguyễn Văn Tân<sup>1</sup>,  
Đoàn Thanh Thúy<sup>1</sup>, Trần Chí Thành<sup>1</sup>

### **ABSTRACT**

#### **The result on breeding and testing of VT5 hybrid tomato**

VT5 tomato is hybrid tomato (F1) which is developed from crosses D7 × D15 by Field Crops Research Institute. VT5 is of semi - finite growth, growth duration from 120 - 130 days, intensivS2 e shape, green leave, mediate beam. The fruits' shoulders look whitish green, long rounded with fruit shape index  $I > 1.2$ , thick flesh, magenta when ripe, the brix reaching 5.0 to 5.2%. VT5 is fairly resistant to bacterial wilt and yellow leaf curling virus. VT5 is suitable for planting in Spring - Summer, Autumn and Winter seasons in the Red River Delta provinces and in Northern mountainous midland. The yield reaches 48 - 49 tons/ha (Spring) and 60 - 64 tons/ha (Autumn - Winter), which is  $> 15\%$  higher than the control.

**Key words:** Tomato varieties, heat tolerant, tomato varieties, resistant to yellow leaf curling virus, VT5 hybrid tomato variety.

### **I. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Cây cà chua (*Lycopersicon esculentum* Mill) là cây rau ăn quả được trồng và tiêu thụ phổ biến trong cả nước. Diện tích cà chua cả nước duy trì 24 - 25 nghìn ha, trong đó các tỉnh thuộc khu vực Đồng bằng sông Hồng và Lâm Đồng có diện tích sản xuất cà chua chiếm 62% tổng diện tích sản xuất cả nước. Sản xuất cà chua đem lại hiệu quả kinh tế khá: 1 ha cà chua trồng cho thu nhập từ 150 - 200 triệu đồng/ha/vụ, ở vụ Xuân Hè và Thu Đông cây cà chua cho hiệu quả cao gấp 3 - 5 lần so với chính vụ (Đặng Văn Niên và cs, 2013).

Tuy nhiên, diện tích cà chua trồng ở

Việt Nam không tăng. Nguyên nhân chính là thiếu bộ giống cà chua có khả năng chịu nhiệt để mở rộng diện tích cà chua trong vụ Xuân Hè, vụ Thu (gieo hạt tháng 1, tháng 2 và tháng 8 - 9). Nhận thức vấn đề trên, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm từ năm 2005 đã tập trung nghiên cứu chọn tạo giống cà chua với mục tiêu: Chọn tạo giống cà chua lai mới, năng suất đạt trên 50 tấn/ha chất lượng tốt, có khả năng chống chịu bệnh virus xoắn vàng lá, thích hợp trồng trong điều kiện vụ Thu Đông và vụ Xuân Hè tại các tỉnh phía Bắc. Giống VT5 là sản phẩm khoa học được tạo ra theo định hướng trên.

---

1. Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm